HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 260/2019/NQ-HĐND	*Đồng Tháp, ngày 16 tháng 7 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm thuộc tỉnh Đồng Tháp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Uỷ ban nhân dân Tỉnh về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm thuộc tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm thuộc tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Giao Uỷ ban nhân dân Tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 219/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm thuộc tỉnh Đồng Tháp.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân Tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân Tỉnh, các Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân Tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khoá IX, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Đồng Tháp;
- Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Tỉnh;
- Văn phòng HĐND Tỉnh;
- Văn phòng UBND Tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Phan Văn Thắng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 260/2019/NQ-HĐND Ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), ấp, khóm; mức khoán kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở ấp, khóm; Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; những người không phải là người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm; công an viên; lực lượng bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn và ở khóm; lực lượng dân quân ở cấp xã; ấp đội trưởng, khóm đội trưởng.

Chương II
NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ VÀ Ở ẤP, KHÓM

Mục 1
CHỨC DANH, SỐ LƯỢNG NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ VÀ Ở ẤP, KHÓM

Điều 3. Chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã gồm:

a) Văn phòng Đảng ủy - Tuyên giáo;

b) Tổ chức - Kiểm tra;

c) Phó chủ tịch ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

d) Phó bí thư đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

đ) Phó chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ;

e) Phó chủ tịch hội nông dân;

g) Phó chủ tịch hội cựu chiến binh;

h) Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự;

i) Phó trưởng công an;

k) Nội vụ - Văn thư - Lưu trữ;

l) Truyền thanh;

m) Nhân viên quân báo thông tin (Ban Chỉ huy quân sự).

2. Bố trí những người hoạt động không chuyên trách cấp xã

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, đảng uỷ, uỷ ban nhân dân cấp xã xem xét, chọn chức danh những người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo quy định tại khoản 1 Điều này sắp xếp, bố trí cho phù hợp. Sau khi sắp xếp, bố trí số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã không được vượt quá số lượng quy định tại Điều 4 Quy định này.

3. Cấp xã loại 1, loại 2 bố trí chức danh phó trưởng công an và chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự không quá hai người.

4. Đối với xã, phường, thị trấn bố trí phó trưởng công an là công an chính quy thì vẫn tính vào số lượng quy định tại Điều 4 của Quy định này.

Điều 4. Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn

1. Loại 1 bố trí tối đa 14 người.

2. Loại 2 bố trí tối đa 12 người.

3. Loại 3 bố trí tối đa 10 người.

Điều 5. Chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm

1. Bí thư chi bộ ấp, khóm hoặc bí thư đảng uỷ bộ phận ấp, khóm (đối với các ấp, khóm thành lập đảng bộ bộ phận)

2. Trưởng ấp, khóm.

3. Trưởng ban công tác mặt trận ấp, khóm.

Điều 6. Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm

Mỗi ấp, khóm bố trí tối đa không quá 03 người.

Mục 2

MỨC PHỤ CẤP, TRỢ CẤP, PHỤ CẤP KIÊM NHIỆM ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, ẤP, KHÓM VÀ MỨC BỒI DƯỠNG NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA CÔNG VIỆC CỦA ẤP, KHÓM

Điều 7. Mức phụ cấp và trợ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 1,0 lần mức lương cơ sở.

2. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên, ngoài chế độ quy định tại khoản 1 Điều này, hàng tháng còn được trợ cấp thêm như sau:

a) Tốt nghiệp đại học: Trợ cấp tương đương 1,34 lần mức lương cơ sở.

b) Tốt nghiệp cao đẳng: Trợ cấp tương đương 1,10 lần mức lương cơ sở.

c) Tốt nghiệp trung cấp: Trợ cấp tương đương 0,86 lần mức lương cơ sở.

3. Mức trợ cấp quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

4. Phó trưởng công an (trừ công an chính quy) ngoài mức phụ cấp, trợ cấp tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về công an xã.

5. Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự cấp xã ngoài mức phụ cấp được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

Điều 8. Mức phụ cấp và trợ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm

1. Những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 1,0 lần mức lương cơ sở

2. Những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên ngoài chế độ quy định tại khoản 1 Điều này, hàng tháng còn được trợ cấp thêm với mức sau:

a) Tốt nghiệp đại học: Trợ cấp tương đương 1,34 lần mức lương cơ sở.

b) Tốt nghiệp cao đẳng: Trợ cấp tương đương 1,10 lần mức lương cơ sở.

c) Tốt nghiệp trung cấp: Trợ cấp tương đương 0,86 lần mức lương cơ sở.

Điều 9. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh

1. Cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã kiêm nhiệm chức danh của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã mà giảm thấp hơn số lượng quy định tại Điều 4 Quy định này, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì hàng tháng được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm như sau:

a) Kiêm nhiệm một chức danh thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 1,0 lần mức lương cơ sở.

b) Kiêm nhiệm hai chức danh thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 1,5 lần mức lương cơ sở.

2. Bí thư chi bộ ấp, khóm hoặc bí thư đảng uỷ bộ phận ấp, khóm kiêm nhiệm trưởng ấp, khóm thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 1,0 lần mức lương cơ sở.

3. Một người kiêm nhiệm nhiều chức danh chỉ được hưởng mức kiêm nhiệm 02 chức danh.

4. Mức phụ cấp kiêm nhiệm không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 10. Mức bồi dưỡng theo tháng đối với những người không thuộc các chức danh quy định tại Điều 5 Quy định này khi trực tiếp tham gia vào công việc của ấp, khóm

1. Phó bí thư chi bộ hoặc phó bí thư đảng ủy bộ phận ấp, khóm: Mức bồi dưỡng là 1.190.000 đồng/tháng (khi mức lương cơ sở tăng thì được điều chỉnh mức tiền bồi dưỡng này theo cách tính: Mức lương cơ sở đang có hiệu lực nhân với 0,8).

2. Phó trưởng ấp, phó trưởng khóm: Mức bồi dưỡng là 895.000 đồng/tháng (khi mức lương cơ sở tăng thì được điều chỉnh mức tiền bồi dưỡng này theo cách tính: Mức lương cơ sở đang có hiệu lực nhân với 0,6).

3. Bí thư chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, chi hội trưởng chi hội phụ nữ, chi hội trưởng chi hội nông dân, chi hội trưởng chi hội cựu chiến binh ở ấp, khóm: Mức bồi dưỡng là 450.000 đồng/tháng (khi mức lương cơ sở tăng thì được điều chỉnh mức tiền bồi dưỡng này theo cách tính: Mức lương cơ sở đang có hiệu lực nhân với 0,3).

Chương III

KHOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC - ĐOÀN THỂ CẤP XÃ

Điều 11. Khoán kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức đoàn thể cấp xã

Mức khoán kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, hội liên hiệp phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh cấp xã: Tối thiểu 400.000 đồng/tổ chức/tháng.

Chương IV
CÔNG AN VIÊN

Điều 12. Số lượng công an viên xã, thị trấn

1. Công an viên xã, thị trấn bao gồm: Công an viên thường trực tại xã, thị trấn và công an viên xã, thị trấn phụ trách ấp, khóm.

2. Công an viên thường trực ở xã, thị trấn: Mỗi xã, thị trấn được bố trí không quá 03 công an viên.

3. Mỗi ấp, khóm thuộc đơn vị hành chính cấp xã loại 1, loại 2 được bố trí không quá 02 công an viên. Mỗi ấp, khóm thuộc đơn vị hành chính cấp xã loại 3 được bố trí 01 công an viên.

Điều 13. Mức phụ cấp hàng tháng đối với công an viên xã, thị trấn

1. Công an viên xã, thị trấn được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 1,0 lần mức lương cơ sở.

2. Công an viên có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên, ngoài chế độ quy định tại khoản 1 Điều này hàng tháng còn được trợ cấp thêm với mức sau:

a) Tốt nghiệp đại học: Trợ cấp tương đương 1,34 lần mức lương cơ sở.

b) Tốt nghiệp cao đẳng: Trợ cấp tương đương 1,10 lần mức lương cơ sở.

c) Tốt nghiệp trung cấp: Trợ cấp tương đương 0,86 lần mức lương cơ sở.

3. Công an viên xã, thị trấn ngoài mức phụ cấp, trợ cấp được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về công an xã.

Chương V
BẢO VỆ DÂN PHỐ Ở PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ Ở KHÓM; LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN Ở CẤP XÃ; ẤP ĐỘI TRƯỞNG, KHÓM ĐỘI TRƯỞNG

Điều 14. Tổ chức Bảo vệ dân phố

1. Ban bảo vệ dân phố: Mỗi phường, thị trấn thành lập 01 Ban bảo vệ dân phố gồm trưởng ban, phó trưởng ban và các ủy viên. Uỷ viên ban bảo vệ dân phố là tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố.

2. Tổ bảo vệ dân phố: Mỗi khóm thành lập 02 Tổ bảo vệ dân phố. Mỗi Tổ bảo vệ dân phố gồm: Tổ trưởng, tổ phó và 03 tổ viên.

Điều 15. Mức phụ cấp hàng tháng đối với Bảo vệ dân phố

1. Ban bảo vệ dân phố

a) Trưởng ban: Được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 0,6 lần mức lương cơ sở;

b) Phó trưởng ban: Được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 0,55 lần mức lương cơ sở.

2. Tổ bảo vệ dân phố

a) Uỷ viên ban bảo vệ dân phố là tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố: Được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 0,5 lần mức lương cơ sở.

b) Tổ phó: Được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 0,45 lần mức lương cơ sở.

c) Tổ viên: Được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 0,4 lần mức lương cơ sở.

3. Thành viên ban bảo vệ dân phố, tổ bảo vệ dân phố ngoài mức phụ cấp được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ dân phố.

Điều 16. Lực lượng dân quân ở cấp xã

Tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân ở cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

Điều 17. Chế độ, chính sách đối với dân quân

1. Dân quân được hưởng chế độ, chính sách trong trường hợp sau:

a) Khi được huy động làm nhiệm vụ.

b) Thực hiện quyết định điều động của cấp có thẩm quyền.

2. Dân quân thường trực được trợ cấp ngày công lao động tương đương 0,08 lần mức lương cơ sở.

3. Dân quân nòng cốt đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, nếu tiếp tục được kéo dài thời hạn tham gia thực hiện nghĩa vụ thì ngoài chế độ theo quy định, khi được huy động làm nhiệm vụ được hưởng trợ cấp ngày công lao động tăng thêm, mức trợ cấp tăng thêm 0,04 lần mức lương cơ sở.

4. Lực lượng dân quân ở cấp xã ngoài mức trợ cấp ngày công lao động được hưởng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

Điều 18. Mức phụ cấp hàng tháng đối với ấp đội trưởng, khóm đội trưởng

1. Ấp đội trưởng, khóm đội trưởng được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 1,0 lần mức lương cơ sở.

2. Ấp đội trưởng, khóm đội trưởng có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên, ngoài chế độ quy định tại khoản 1 Điều này hàng tháng còn được trợ cấp thêm với mức sau:

a) Tốt nghiệp đại học: Trợ cấp tương đương 1,34 lần mức lương cơ sở.

b) Tốt nghiệp cao đẳng: Trợ cấp tương đương 1,10 lần mức lương cơ sở.

c) Tốt nghiệp trung cấp: Trợ cấp tương đương 0,86 lần mức lương cơ sở.

Chương VI
HỖ TRỢ ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 19. Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội

Công an viên xã, thị trấn, dân quân thường trực tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% mức đóng thấp nhất (tương ứng với mức thu nhập hàng tháng bằng mức lương cơ sở).

Điều 20. Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế

1. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã tham gia và hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của Luật bảo hiểm y tế.

2. Những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm, công an viên xã, thị trấn, khóm, ấp đội trưởng tham gia bảo hiểm y tế với mức đóng bằng 4,5% mức lương cơ sở, trong đó ngân sách hỗ trợ đóng 3,0% và người lao động đóng 1,5%.

Chương VII
HỖ TRỢ CHẾ ĐỘ THÔI VIỆC ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ

Điều 21. Chế độ trợ cấp thôi việc

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp, bố trí lại số lượng theo quy định tại Điều 4 Quy định này thì mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 1,5 tháng tiền lương theo mức lương cơ sở tại thời điểm thôi việc.

Điều 22. Thời gian công tác được tính hưởng chế độ trợ cấp thôi việc

1. Thời gian được tính hưởng chế độ trợ cấp thôi việc bao gồm toàn bộ thời gian công tác ở cấp huyện và cấp xã chưa nhận trợ cấp thôi việc (nếu thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn).

2. Về cách tính tháng lẻ: Trường hợp thời gian công tác có tháng lẻ thì từ đủ 6 tháng đến 12 tháng được tính tròn là 01 năm; dưới 6 tháng được tính nửa năm.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách

Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Quy định này do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật ngân sách.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

Uỷ ban nhân dân Tỉnh có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời báo cáo, kiến nghị đến Uỷ ban nhân dân Tỉnh để xem xét, trình Hội đồng nhân dân Tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành quy định mới cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Thắng